

KẾ HOẠCH

Triển khai tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2018 theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 2678/QĐ-BNV ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch triển khai tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2018 sát với các tiêu chí, tiêu chí thành phần; cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu kiểm chứng; đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Bộ Nội vụ;

- Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên dựa trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018;

- Căn cứ các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định Chỉ số CCHC, cần chấm điểm chính xác, khách quan kết quả triển khai thực hiện CCHC của tỉnh năm 2018, có cơ sở đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp khắc phục những hạn chế trong thực hiện CCHC.

2. Yêu cầu

- Các Sở, Ban, ngành được giao nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện CCHC chủ động, nghiêm túc tự chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng kèm theo; giải trình đầy đủ, đảm bảo tính khoa học, logic, thuyết phục để phục vụ xác định Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2018 đầy đủ, đúng quy định;

- Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu; phổ biến, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức, ý nghĩa của công tác CCHC.

- Tổ chức điều tra xã hội học theo bộ câu hỏi điều tra xã hội học đối với từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát quy định trong Chỉ số CCHC cấp tỉnh đảm bảo khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế. Các đơn vị liên quan tích cực, chủ động phối hợp với Bưu điện tỉnh thực hiện điều tra xã hội học theo quy định tại Quyết định số 2678/QĐ-BNV ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Điều tra xã hội học

Thực hiện theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Quyết định số 2678/QĐ-BNV ngày 25/12/2018 ban hành Kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC năm 2018 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức tự chấm điểm

Các Sở, Ban, ngành có nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện CCHC chủ động tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần và kèm theo tài liệu kiểm chứng, báo cáo kết quả chấm điểm về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 21/01/2019.**

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ;

- Các cơ quan chấm điểm: Các sở, ngành được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

(Có Phụ lục phân công tự chấm điểm các TC, TCTP kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Văn phòng HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các vị đại biểu HĐND tỉnh được gửi phiếu điều tra cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin theo nội dung phiếu điều tra để Bưu điện tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn các đơn vị triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

b) Lập danh sách đối tượng điều tra xã hội học theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

c) Chủ trì tự chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, giải trình xác định các tiêu chí, tiêu chí thành phần (TC, TCTP):

- Nội dung 1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (trừ các TC 1.6. Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; TC 1.5. Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính);

- TC 3.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Tiêu chí 3.4. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC;

- Nội dung 4. Cải cách tổ chức bộ máy;

- Nội dung 5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm, chuẩn bị tài liệu kiểm chứng để minh chứng cho điểm số đã chấm của Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2018 báo cáo Bộ Nội vụ đúng tiến độ.

3. Sở Tư pháp: Chủ trì tự chấm điểm, giải trình, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định nội dung 2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL; TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật).

4. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Chủ trì tự chấm điểm, giải trình, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định TC, TCTP:

- TC 1.6. Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Nội dung 3. Cải cách thủ tục hành chính với các tiêu chí 3.1. Kiểm soát quy định TTHC; TC 3.2. Công bố công khai TTHC (trừ TCTP 3.2.5. Công khai tiến độ kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên cổng TTĐT); TC 3.5. Tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

b) Chỉ đạo Trung tâm Thông tin tỉnh đăng tải các văn bản quy định về đánh giá Chỉ số CCHC để các Sở, Ban, ngành có cơ sở thực hiện.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tự chấm điểm, giải trình tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định các TC của nội dung hiện đại hóa hành chính (trừ TC 7.4. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng).

- TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT);

- TCTP 3.2.5. Công khai tiến độ kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử thuộc nội dung số 3. Cải cách thủ tục hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương công khai đầy đủ TTHC trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tự chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định TC, TCTP:

- Các TC của nội dung 6. Cải cách tài chính công (trừ TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân KH đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm);

- TC 4.3. Thực hiện phân cấp quản lý (quản lý ngân sách) theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ;

- TC 8.4. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

b) Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Thông tin tỉnh thực hiện công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh nội dung tại TCTP 6.2.2. Về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP và ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg.

c) Bố trí đủ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tự chấm điểm, giải trình, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định TC, TCTP:

- TC 1.5. Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính;

- TC 7.4. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001).

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tự chấm điểm, giải trình, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định TC, TCTP:

- TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm;

- TC 8.2. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh;

- TC 8.3. Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh;

- TC 4.3. Thực hiện phân cấp quản lý (quản lý đầu tư) theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tự chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng, xác định TC 4.3. Thực hiện phân cấp quản lý đất đai theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ (bao gồm Quyết định phân cấp UBND tỉnh, kế hoạch kiểm tra, Thông báo kết luận kiểm tra, báo cáo khắc phục tồn hạn chế của đơn vị được kiểm tra).

10. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện

- Chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin phiếu điều tra xã hội học theo quy định;

- Phối hợp với các Sở, ngành cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng phục vụ xác định Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

- Chỉ đạo thực hiện đăng tải 100% TTHC trên Trang thông tin điện tử; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định danh mục 100% TTHC thực hiện tại bộ phận Một cửa các cấp; thực hiện kiểm tra, đôn đốc không để tình trạng hồ sơ TTHC quá hạn;

- Các Sở, ngành: Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên, UBND các huyện (Đại Từ, Định Hóa, Đồng Hỷ) và UBND thành phố Sông Công báo cáo tình hình thực hiện Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh năm 2018 về việc khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2018; trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết. *pe*

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Thái Nguyên;
- NHNN Việt nam CN Thái Nguyên;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. Huongnt.CCHC *ra*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nhữ Văn Tâm

PHỤ LỤC I
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Nội vụ
(Kèm theo Kế hoạch số 05 /KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

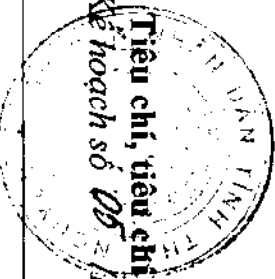
Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHI ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>			
	<i>Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25</i>	0.25		Báo cáo phải đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo quy định
4	CÀI CÁCH TÒ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
4.1	<i>Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>			
4.1.1	<i>Sắp xếp, tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện</i>	1.00		
	<i>Đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
4.1.2	<i>Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</i>	1.50		
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp sở và tương đương: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện: 0.5</i>			
4.2	<i>Thực hiện quy định về quản lý biên chế</i>	2.50		
4.2.1	<i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính</i>	0.50		
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0.5</i>			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
4.2.2	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0 Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0.50		
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0.5			
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0			
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1.50		
	Đạt từ 10% trở lên: 1.5			
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1.50}{10\%} \right]$			
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1.50		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25		
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.25			
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25		
	Có thực hiện: 0.25			
	Không thực hiện: 0			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC			
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	2.00		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1.00		
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0.25</i>			
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>			
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1.00		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0.25</i>			
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>			
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>	1.00		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, DVHC cấp huyện, cấp xã	0.50		
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
5.2.2	<p><i>Không đúng quy định: 0</i></p> <p>Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</p> <p><i>Đúng quy định: 0.5</i></p> <p><i>Không đúng quy định: 0</i></p>	0.50		
5.3	<p><i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thâm quyền của tỉnh</i></p>	1.00		
5.3.1	<p>Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức</p> <p><i>Đúng quy định: 0.5</i></p> <p><i>Không đúng quy định: 0</i></p>	0.50		
5.3.2	<p>Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức</p> <p><i>Đúng quy định: 0.5</i></p> <p><i>Không đúng quy định: 0</i></p>	0.50		
5.4	<p><i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</i></p> <p>100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25</p> <p>100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25</p>	0.75		

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu Kiểm chứng	Ghi chú
	100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25			
5.5	Danh giá, phân loại công chức, viên chức	0.75		
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.25		
	Dùng quy định: 0.25			
	Không dùng quy định: 0			
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0.50		
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.25			
	Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.25			
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.00		
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0			



PHỤ LỤC II

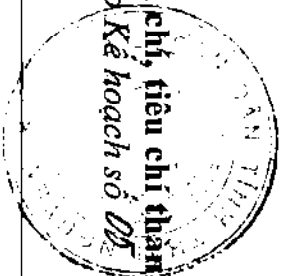
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Tư pháp

(Kèm theo Kế hoạch số **05**/KH-UBND ngày **14/01/2019** của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Ma hnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (theo HDD Bộ Nội vụ)	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	0.5		
	Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL: 0.25			Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo quy định
	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật: 0.25			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH			
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2.00		
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1.00		
	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25			
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25			
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5			
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.00		
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1			
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0			
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1.50		
	Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý/kiến nghị xử lý thi điểm đánh giá được tính theo công thức			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (theo HD Bộ Nội vụ)	Ghi chú
	$\left[\frac{\text{(\% lệ \% VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý)} \times 1.50}{100\%} \right]$			
	Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0			
2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	1.50		
	Từ 70% - 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{(\% lệ \% số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý)} \times 1.50}{100\%} \right]$			
	Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0			

PHỤ LỤC III
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số 01 KH-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

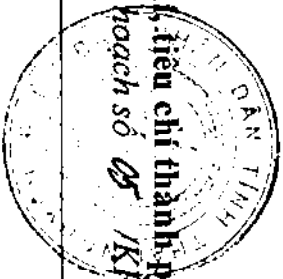


Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kèm chứng	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ DẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.00		
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 1</i>			
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>			
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>			
3	CÀI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1.00		
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.50		
	<i>Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0.5</i>			
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0</i>			
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.50		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính	3.00		
3.2.1	Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0.25		
	<i>Đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	0.25		
	<i>Đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
3.2.3	Tỷ lệ QOCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	1.00		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0.25</i>			
	<i>Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0.75		

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kèm chứng	Ghi chú
	100% số TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.25			
	100% số CQCM cấp tỉnh công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình: 0.25			
	100% số DVHC cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình: 0.25			
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1.00		
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0.25		
	Thực hiện đúng quy định: 0.25			
	Không thực hiện đúng quy định: 0			
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0.75		
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75			
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25			
	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			

PHỤ LỤC IV
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý trong đầu tư	1.50		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25	QP UBND tỉnh phân cấp đầu tư	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.25			
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25	Ví dụ Kế hoạch, Thông báo kết luận, Báo cáo khác phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra	
	Có thực hiện: 0.25			
	Không thực hiện: 0			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH			
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1.00		

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	<i>Cao hơn so với năm trước liền kề: 1</i>			
	<i>Bằng so với năm trước liền kề: 0.5</i>			
	<i>Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0</i>			
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2.00		
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1.00		
	<i>Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1</i>			
	<i>Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% tăng doanh nghiệp mới} \times 1.00}{30\%} \right]$			
	<i>Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0</i>			
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1.00		
	<i>Tăng so với năm liền kề: 1</i>			
	<i>Không tăng so với năm liền kề: 0</i>			

*Lưu ý: Đối với tiêu chí thành phần “Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành” Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá, chấm điểm thực hiện phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý đầu tư theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

PHỤ LỤC V
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông
(Kèm theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

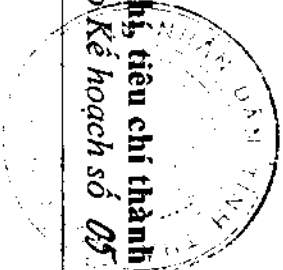
Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (Theo hướng dẫn của BNV)	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>			
	<i>Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 0.5</i>	0.5	Các báo cáo theo quy định	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
3.2.5	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công TTTĐT hoặc Công dịch vụ công của tỉnh	0.75		
	<i>100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:0.25</i>			
	<i>100% UBND cấp huyện đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:0.25</i>			
	<i>100% UBND cấp xã đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:0.25</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH			
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</i>	4.50		
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0.50		
	<i>Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không tổ chức triển khai, duy trì Kiến trúc theo quy định: 0</i>			
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1.00		
	<i>Từ 90% số văn bản trả lên: 1</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được</i>			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (Theo hướng dẫn của BNV)	Ghi chú
	Tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản} \times 1.00}{90\%} \right]$			
	Dưới 60% số văn bản: 0			
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1.00		
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến 100% đơn vị cấp xã: 1			
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến dưới 100% đơn vị cấp xã: 0.5			
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến 100% đơn vị cấp huyện: 0.25			
	Chưa thực hiện kết nối liên thông đến 100% đơn vị cấp huyện: 0			
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	1.00		
	Đã kết nối liên thông tới 100% sở, ngành, huyện, xã: 1			
	Đã kết nối liên thông tới 100% sở, ngành, huyện: 0.5			
	Chưa kết nối liên thông: 0			
7.1.5	Xây dựng Công dịch vụ công	1.00		
	Đã xây dựng đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định: 1			
	Đã xây dựng nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định: 0.5			
	Chưa xây dựng: 0			
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.25		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.25		
	Từ 60% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.25			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (Theo hướng dẫn của BNV)	Ghi chú
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0			
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1 Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{40\%} \right]$	1.00		Phạm vi thông kê, đánh giá là các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3
7.2.3	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0 Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1 Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{30\%} \right]$	1.00		Phạm vi thông kê, đánh giá là các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4
7.3	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0 Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1.25		
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.25 Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0	0.25		
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5 Từ 10% đến dưới 15% số hồ sơ: 0.25 Dưới 10% số hồ sơ: 0	0.50		Phạm vi thông kê, đánh giá là các TTHC có phát sinh hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ	0.50		Các TTHC có phát sinh hồ

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng (Theo hướng dẫn của BNV)	Ghi chú
	BCCI			sơ được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5			
	Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25			
	Dưới 10% số hồ sơ: 0			

PHỤ LỤC VI
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ
(Kèm theo Kế hoạch số 05 KH-UBND ngày 1/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

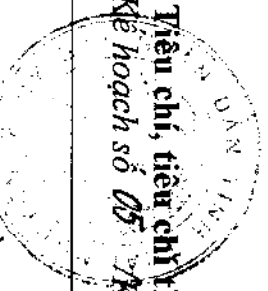


Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Chỉ số	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.5	<i>Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính</i>	2	<i>QB công nhận sáng kiến</i>	Được tỉnh phê duyệt triển khai hoặc Trung ương cho phép thí điểm
	<i>Có từ 3 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 2</i>			
	<i>Có từ 2 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 1.5</i>			
	<i>Có 1 sáng kiến/giải pháp mới: 1</i>			
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH			
7.4	<i>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</i>	1.50		
7.4.1	<i>Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, DVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định</i>	0.50		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
7.4.2	<i>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định</i>	0.50		
	<i>Từ 60% số đơn vị trở lên: 0.5</i>			
	<i>Từ 40% - dưới 60% số đơn vị: 0.25</i>			
	<i>Dưới 40% số đơn vị: 0</i>			
7.4.3	<i>Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, DVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định</i>	0.50		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			

PHỤ LỤC VII

Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Tài chính

(Kèm theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Theo HD của BNV)	Ghi chú
4	CÀI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý quản lý tài chính	1.50			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25		Ví dụ: QĐ UBND tỉnh phân cấp	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.25				
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0				
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25			
	Có thực hiện: 0.25			Ví dụ Kế hoạch, Thông báo kết luận, Báo cáo khác phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra	
	Không thực hiện: 0				
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
6	CÀI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3.00			
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1.00			
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1				
	Đạt tỷ lệ từ 60% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức				

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Theo HD của BNV)	Ghi chú
	$\left[\frac{\text{ Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN x 1.00 } }{100\%} \right]$				
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao: 0</i>				
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00			
	100% số kiến nghị được thực hiện: 1				
	Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5				
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0				
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	1.00			
	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1				
	Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2.00			
6.2.1	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	0.50			
	Đã ban hành kịp thời: 0.5				
	Đã ban hành nhưng chưa kịp thời: 0.25				
	Chưa ban hành: 0				
6.2.2	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số	0.50			

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tại liệu kiểm chứng (Theo HD của BNV)	Ghi chú
	152/2017/ND-CP				
	Đã ban hành và thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.5				
	Đã ban hành nhưng chưa thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.25				
	Chưa ban hành:0				
6.2.3	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg	0.50			
	Đã ban hành và thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.5				
	Đã ban hành nhưng chưa thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.25				
	Chưa ban hành:0				
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0.5			
	Có kiểm tra: 0.5				
	Không kiểm tra: 0				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)				
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1.00			
	<i>Có thêm từ 02 đơn vị trở lên: 1</i>				
	<i>Có thêm từ 01 đơn vị: 0.5</i>				
	<i>Không có thêm: 0</i>				
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.50			
	<i>Có thêm từ 02 đơn vị trở lên:0.5</i>				

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Theo HD của BNV)	Ghi chú
	<i>Có thêm từ 01 đơn vị trở lên: 0.25</i> <i>Không có thêm: 0</i>				
6.3.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1.00			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1.00			
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1				
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm chi ngân sách} \times 1.00}{100\%}$				
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1.50			
	<i>Vượt chỉ tiêu 5% trở lên: 1.5</i>				
	<i>Vượt chỉ tiêu từ 2%- dưới 5%: 1</i>				
	<i>Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%: 0.5</i>				
	<i>Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0</i>				

*Lưu ý: Đối với tiêu chí thành phần “Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý và phân cấp quản lý về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành” Sở Tài chính đánh giá, chấm điểm thực hiện phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

PHỤ LỤC VIII
Tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường
(Kèm theo Kế hoạch số 07 /KH-UBND ngày 19/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Mã lĩnh vực, TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
4	CÀI CÁCH TỒ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý trong đầu tư	1.50		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25	QĐ UBND tỉnh phân cấp quản lý đất đai	
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.25</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25	Ví dụ Kế hoạch, Thông báo kết luận, Báo cáo khác phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra	
	<i>Có thực hiện: 0.25</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			

***Lưu ý:** Đối với tiêu chí thành phần “Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành” Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá, chấm điểm thực hiện phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý đất đai theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

